TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Vẹn

Bà Thạch Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị P, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Sa T, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2020, nguyên đơn chị Thạch Thị P trình bày: Chị và anh Sa T đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh ngày 05-11-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên quan tâm, chia sẻ với nhau về cuộc sống gia đình, đến ngày 06-3-2018 thì bất đồng ý kiến và cãi vả với nhau, từ đó không còn liên lạc và quan tâm lẫn nhau cho đến nay nên chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sa T.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị Thạch Thị P và anh Sa T kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, vợ chồng sống ở mỗi đất nước khác nhau và không còn liên lạc với nhau nên chị P yêu cầu ly hôn với anh Sa T là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P ly hôn với anh T; về con chung, tài sản chung và nợ chung, không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thạch Thị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 45). Riêng bị đơn anh Sa T đang định cư tại Hoa Kỳ, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã lập thủ tục, hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự theo đường ngoại giao đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T. Theo thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, hồ sơ ủy thác tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ tống đạt trực tiếp cho anh T vào ngày 28-8-2020 (BL 42, 43). Nhưng anh T không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án Việt Nam, không có đơn đề nghị Tòa án Việt Nam xét xử vắng mặt; Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 24-02-2021. Do đó, căn cứ vào Điều 238 và điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị P và anh T.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy chị Thạch Thị P và anh Sa T kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000. Theo chị P khai, sau khi kết hôn được một thời gian thì đến ngày 06-3-2018, giữa chị P và anh T xảy ra mâu thuẫn với nhau, không còn liên lạc và quan tâm lẫn nhau. Từ lời khai của chị Phương cho thấy, giữa chị P và anh T không thực hiện được tình nghĩa vợ chồng về yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P ly hôn với anh T; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Thạch Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ

thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Thạch Thị Phương đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008925 ngày 29-4-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

[8] Về chi phí ủy thác tư pháp: Theo khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Thạch Thị P phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị Thạch Thị P đã nộp bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008941 ngày 15-5-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Buộc chị Thạch Thị P phải chịu toàn bộ chi phí ủy thác tư pháp đối với số tiền mà chị Thạch Thị P trực tiếp nộp chuyển khoản vào ngày 19-5-2020 cho Công ty ABC Legal và phí dịch vụ chuyển tiền bằng 3.185.000 đồng (Ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Thạch Thị P.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Phương ly hôn với anh Sa T.

2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Thạch Thị P đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008925 ngày 29-4-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

6. Về chi phí ủy thác tư pháp: Buộc chị Thạch Thị P phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị Thạch Thị P đã nộp bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008941 ngày 15-5-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Buộc chị Thạch Thị P phải chịu toàn bộ chi phí ủy thác tư pháp đối với số tiền mà chị Thạch Thị P trực tiếp nộp chuyển khoản vào ngày 19-5-2020 cho Công ty ABC Legal và phí dịch vụ chuyển tiền bằng 3.185.000 đồng (Ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê